

Vietnam Daily Review

VN-Index đã vượt lên chính mình

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 28/12/2021		•	
Tuần 27/12-31/12/2021		•	
Tháng 12/2021		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Đây là cuối cùng VN-Index cũng đã bứt phá khỏi ngưỡng kháng cự 1,480 khó nhằn trước đó và đóng cửa tại mốc 1,488.9 trong phiên giao dịch hôm nay. Mở cửa phiên sáng, chỉ số này vừa bật tăng đã bị bên bán “vùi dập”, giảm một mạch 17 điểm. Tuy nhiên, đường dài mới biết ngựa hay, ngay sau đó bên mua đã xông lên giải cứu thị trường, kéo VN-Index lên hơn 20 điểm trước khi đóng cửa tăng gần 12 điểm so với phiên hôm trước. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với 13/19 ngành tăng điểm. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này mua ròng trên sàn HSX và bán ròng trên sàn HNX. Cây nến xanh rút chân ngày hôm nay là tín hiệu cho thấy dòng tiền vẫn ủng hộ đà tăng của thị trường. Trước mắt ngưỡng 1490 đang là kháng cự ngắn hạn của VN-Index, thị trường có thể sẽ tích lũy thêm trong vùng này trước khi có thể bật tăng và trở lại đỉnh cao 1500.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đồng loạt tăng điểm theo nhịp vận động của chỉ số VN30. Các nhà đầu tư nên canh bán ngắn hạn trong các phiên tới.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 27/12/2021, phần lớn các chứng quyền vận động theo xu hướng tăng của cổ phiếu cơ sở.

Phân tích kỹ thuật: TNA_Xu hướng tăng (Trang 2)

Điểm nhấn:

- VN-Index +11.85 điểm, đóng cửa 1,488.88 điểm. HNX-Index +3.80 điểm, đóng cửa 449.41 điểm.
- Kéo chỉ số tăng: VIC (+2.43), VCB (+1.57), SSB (+1.04), DIG (+0.80), POW (+0.72).
- Kéo chỉ số giảm: MSN (-0.60), GVR (-0.46), DPM (-0.22), VIB (-0.18), HPG (-0.17).
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt 20,430 tỷ đồng, giảm 15.0% so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 22,085 tỷ đồng.
- Biên độ dao động là 20 điểm. Thị trường có 259 mã tăng, 50 mã tham chiếu và 199 mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: 439.57 tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm CTG (113.76 tỷ), KBC (73.53 tỷ), KDH (60.08 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị -304.98 tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

VN-INDEX 1488.88
Giá trị: 20429.78 tỷ 11.85 (0.8%)
Khối ngoại (ròng): 439.57 tỷ

HNX-INDEX 449.41
Giá trị: 2409.93 tỷ 3.8 (0.85%)
Khối ngoại (ròng): -304.98 tỷ

UPCOM-INDEX 110.37
Giá trị: 1747.39 tỷ 0.17 (0.15%)
Khối ngoại(ròng): 8.41 tỷ

Thông số vĩ mô		
	Giá trị	%
Giá dầu	72.9	-1.19%
Giá vàng	1,808	-0.13%
Tỷ giá USD/VND	22,850	-0.28%
Tỷ giá EUR/VND	25,856	-0.33%
Tỷ giá JPY/VND	19,940	-0.48%
LS liên NH 1 tháng	2.0%	7.21%
LS TPCP 5 năm	0.8%	-11.58%
Nguồn: Bloomberg, BSC Research		

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)			
Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
CTG	113.8	MSN	-30.0
KBC	73.5	DPM	-22.6
KDH	60.1	FRT	-17.6
VIC	53.5	HPG	-14.5
VRE	51.9	VND	-12.3
Nguồn: BSC Research			

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 2
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 3
Thị trường phái sinh	Trang 4
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 5
Thống kê thị trường	Trang 6
Khuyến nghị dài hạn	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
Khuyến cáo sử dụng	Trang 9

Phân tích kỹ thuật

TNA_Xu hướng tăng

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ dương, MACD nằm trên đường tín hiệu
- Chỉ báo RSI: vùng mua quá, xu hướng tăng.

Nhận định: TNA đang nằm trong xu hướng tăng giá mạnh sau khi hình thành mô hình 2 đáy tại ngưỡng 13.0. Thanh khoản cổ phiếu đã vượt lên ngưỡng giao dịch trung bình 20 phiên, đồng thuận với xu hướng tăng của cổ phiếu. Chỉ báo MACD đang ủng hộ xu hướng tăng giá trong khi chỉ báo RSI cho thấy tín hiệu điều chỉnh nhẹ sau 2 phiên tăng trần. Đường giá cổ phiếu cũng đã vượt lên đường MA20 và MA50, cho thấy xu hướng tăng giá đang hình thành. Nhà đầu tư có thể mở vị thế tại ngưỡng 15.0, chốt lãi tại ngưỡng 17.0 và cắt lỗ nếu cổ phiếu mất ngưỡng hỗ trợ ngắn hạn 14.3.

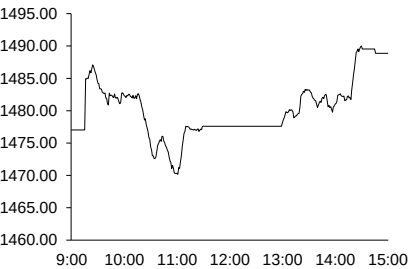
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Ô tô và phụ tùng	4.02%
Truyền thông	2.03%
Dầu khí	1.89%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	1.34%
Bất động sản	1.13%
Ngân hàng	1.09%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	1.07%
Bán lẻ	1.03%
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.97%
Xây dựng và Vật liệu	0.86%
Công nghệ Thông tin	0.66%
Dịch vụ tài chính	0.60%
Du lịch và Giải trí	0.50%
Thực phẩm và đồ uống	-0.01%
Tài nguyên Cơ bản	-0.26%
Y tế	-0.38%
Bảo hiểm	-0.44%
Hóa chất	-0.92%
Viễn thông	-3.35%

Hình 1

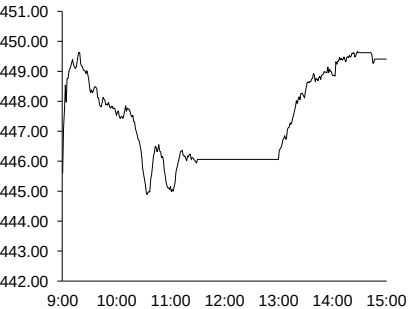
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

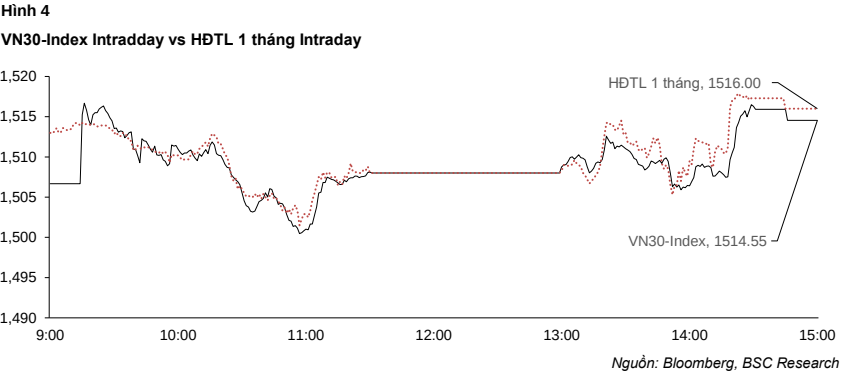
Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
12/27/2021	KHB	9.8	12	8.8	9.2	0	-6.12%	Có thể tiếp tục mua
12/23/2021	BSR	22.9	26	22	23.3	4	1.75%	Có thể tiếp tục mua
12/22/2021	TDT	14.6	17.3	13.7	15.2	5	4.11%	Có thể tiếp tục mua
12/21/2021	REE	69	76.5	67.5	71.9	6	4.20%	Có thể tiếp tục mua
12/20/2021	TVB	26.75	32	25	26	7	-2.80%	Có thể giữ nguyên vị thế
12/17/2021	TIP	52.5	61.9	48	49.5	10	-5.71%	Có thể tiếp tục mua
12/16/2021	DLG	8.15	10.5	7.5	10.05	11	23.31%	Cần nhắc không mua thêm (**)
12/14/2021	PET	32.8	39.5	30	37	13	12.80%	Có thể tiếp tục mua
12/10/2021	CTI	22.65	27	21.5	24.5	17	8.17%	Có thể tiếp tục mua
12/8/2021	PVC	14.8	18	14	16.4	19	10.81%	Có thể tiếp tục mua
11/25/2021	PDR	94.2	108.3	90	94.6	32	0.42%	Có thể giữ nguyên vị thế
Chú thích:		(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt				(**) Tiệm cận giá mục tiêu		

Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
12/15/2021	SGP	37.5	44	34.2	SL	7	-8.80%
12/13/2021	GEX	40.3	48	38.3	SL	9	-4.96%
12/9/2021	NT2	24	26.5	23	TP	11	10.42%
12/7/2021	POW	14.85	17.5	13.75	TP	8	17.85%
12/6/2021	G36	23.6	30.5	21.6	SL	9	-8.47%
12/3/2021	C69	22	26.5	19.8	SL	3	-10.00%
12/2/2021	HDC	97.9	120	95	SL	21	-2.96%
12/1/2021	VGX	26.9	33.7	24	SL	5	-10.78%
11/30/2021	CTD	80	92.5	73	TP	15	15.63%
11/29/2021	HHV	24.3	28.7	23.2	SL	7	-4.53%
11/26/2021	FCN	18.6	23.95	17.3	TP	13	28.76%
11/24/2021	FPT	97.9	112	95.3	SL	12	-2.66%
Chú thích: Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất				TP - Đã chốt lời SL - Đã cắt lỗ		FS - Đóng vị thế sớm	

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Nắm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	8	3	8.20%	-4.88%	4.63%	11
Cổ phiếu đã chốt	223	154	14.47%	-7.55%	5.48%	25

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4

Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2112	1516.00	0.46%	1.45	-14.6%	122,598	1/20/2022	26
VN30F2201	1514.90	0.52%	0.35	-15.1%	253	2/17/2022	54
VN30F2203	1514.30	1.67%	-0.25	-24.2%	94	3/17/2022	82
VN30F2206	1511.50	0.37%	-3.05	-67.2%	41	6/16/2022	173

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 tăng 7.88 điểm lên 1514.55 điểm. Các cổ phiếu như VIC, TPB, KDH, POW, FPT, VCB tác động tích cực đến vận động của VN30. Nhịp tăng điểm nhẹ với mức thanh khoản ổn định đang giúp VN30 duy trì xu hướng vận động trong vùng 1500-1530 điểm trong các phiên giao dịch tới.
- Các HĐTL đồng loạt tăng điểm theo nhịp vận động của chỉ số VN30. Xét về khối lượng giao dịch, các HĐTL đều giảm trừ VN30F2202. Xét về vị thế mở, các HĐTL đều giảm. Điểm số tăng cùng với lượng HĐ mở giảm cho thấy tín hiệu short mạnh trên thị trường. Các nhà đầu tư nên canh bán ngắn hạn trong các phiên tới.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CKDH2107	4/27/2022	121	8:1	354,600	34.21%	1,300	1,590	10.42%	1,316	1.21	68,208	43,888	53,000
CVPB2106	1/19/2022	23	2.77:1	128,800	32.19%	2,500	550	7.84%	180	3.05	72,700	65,000	34,350
CPDR2103	4/27/2022	121	16:1	58,700	34.64%	1,200	1,240	7.83%	708	1.75	114,328	88,888	94,600
CMSN2105	1/6/2022	10	5:1	126,600	38.25%	5,000	8,770	4.65%	8,233	1.07	135,150	128,000	169,000
CTCB2109	3/7/2022	70	4:1	50,200	34.91%	2,200	1,790	2.87%	660	2.71	54,320	50,000	48,850
CPNJ2108	2/10/2022	45	14:1	110,700	30.51%	1,500	560	1.82%	278	2.01	111,980	97,000	96,000
CMSN2104	5/4/2022	128	10:1	25,700	38.25%	5,200	5,900	1.72%	5,359	1.10	163,500	0	169,000
CVRE2110	4/27/2022	121	8:1	201,600	33.92%	1,000	740	1.37%	230	3.22	33,039	29,999	31,300
CVRE2110	4/27/2022	121	8:1	201,600	33.92%	1,000	740	1.37%	230	3.22	33,039	29,999	31,300
CHPG2115	1/26/2022	30	5:1	125,600	34.92%	1,500	270	0.00%	10	27.33	61,100	56,000	45,900
CMBB2106	1/26/2022	30	4:1	17,000	32.73%	1,000	180	0.00%	7	27.07	37,240	34,000	28,150
CVPB2108	7/3/2022	188	2.77:1	183,100	32.19%	2,200	1,890	-0.53%	517	3.66	71,700	64,500	34,350
CSTB2109	3/7/2022	70	2:1	45,000	40.26%	2,300	1,780	-0.56%	839	2.12	35,200	29,000	28,100
CFPT2106	1/10/2022	14	8:1	132,700	25.01%	2,650	740	-1.33%	697	1.06	103,940	89,300	94,500
CFPT2107	1/26/2022	30	12:1	188,500	25.01%	1,500	390	-4.88%	122	3.19	111,800	98,000	94,500
CTCB2105	5/4/2022	128	5:1	444,500	34.91%	3,600	2,470	-5.00%	1,311	1.88	51,000	45,000	48,850
CMBB2103	1/7/2022	11	1.48:1	121,400	32.73%	3,000	120	-7.69%	0	4,000.00	35,555	47,000	28,150
CSTB2107	1/19/2022	23	2:1	118,000	40.26%	2,600	240	-7.69%	75	3.18	34,400	32,000	28,100
CPNJ2104	1/7/2022	11	8:1	386,200	30.51%	2,400	100	-9.09%	2	49.75	127,000	110,000	96,000
CVNM2111	4/27/2022	121	20:1	33,100	20.19%	1,100	600	-14.29%	40	15.08	116,888	98,888	86,100
Tổng				2,699,000	33.62%**								
Chú thích:			Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất						CR: Tỷ lệ chuyển đổi				
			Lãi suất phi rủi ro là 4.75%						Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn				
			**Trung bình độ lệch chuẩn						*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes				

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 27/12/2021, phần lớn các chứng quyền vận động theo xu hướng tăng của cổ phiếu cơ sở.
- CFPT2103 và CACB2102 tăng trưởng tốt nhất, lần lượt ở mức 83.03% và 31.82%. Giá trị giao dịch giảm nhẹ -6.03%. CPNJ2109 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 8.63% thị trường.
- CMSN2107, CMSN2110, CMSN2105, và CMWG2107 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CPNJ2109, CPNJ2108, CMBB2106, và CMBB2109 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CMSN2105, CMWG2107, và CMWG2104 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	134.9	0.2%	0.9	4,181	4.2	6,130	22.0	5.1	49.0%	25.2%
PNJ	Bán lẻ	96.0	1.4%	1.0	949	0.9	4,214	22.8	3.9	47.1%	18.3%
BVH	Bảo hiểm	56.1	0.2%	1.5	1,811	1.4	2,473	22.7	2.0	26.4%	8.9%
PVI	Bảo hiểm	49.1	-1.8%	0.5	500	0.4	4,211	11.7	1.6	56.8%	13.7%
VIC	Bất động sản	99.0	2.6%	0.7	16,379	8.1	1,248	79.3	3.7	13.7%	5.1%
VRE	Bất động sản	31.3	0.2%	1.1	3,092	6.3	954	32.8	2.3	30.2%	7.4%
VHM	Bất động sản	82.8	-0.1%	1.0	15,676	17.9	8,287	10.0	4.1	23.3%	40.3%
DXG	Bất động sản	35.2	2.3%	1.3	912	7.2	1,299		2.5	26.3%	10.3%
SSI	Chứng khoán	49.2	0.2%	1.5	2,099	14.0	2,172	22.6	3.6	38.4%	19.4%
VCI	Chứng khoán	71.6	-0.1%	1.0	1,037	3.8	4,165	17.2	3.8	21.1%	26.7%
HCM	Chứng khoán	43.9	-0.2%	1.5	873	3.7	2,651	16.6	3.4	41.8%	22.1%
FPT	Công nghệ	94.5	0.7%	0.9	3,729	3.2	4,443	21.3	5.0	49.0%	25.1%
FOX	Công nghệ	73.0	-2.0%	0.4	1,042	0.0	4,304	17.0	5.1	0.0%	30.0%
GAS	Dầu khí	95.9	0.2%	1.3	7,980	1.4	4,283	22.4	3.7	2.7%	17.6%
PLX	Dầu khí	54.1	2.1%	1.5	2,989	2.3	2,650	20.4	2.8	17.1%	14.2%
PVS	Dầu khí	26.6	0.4%	1.7	553	4.4	1,186	22.4	1.0	7.3%	4.6%
BSR	Dầu khí	23.3	1.3%	0.8	3,141	8.1	(909)		2.3	41.1%	-8.7%
DHG	Dược	115.6	-2.1%	0.3	657	0.3	6,020	19.2	4.2	54.3%	22.6%
DPM	Hóa chất	52.6	-4.0%	0.8	895	15.8	4,018	13.1	2.3	9.1%	18.6%
DCM	Hóa chất	36.9	-1.5%	0.7	849	8.5	1,701	21.7	2.9	5.2%	13.7%
VCB	Ngân hàng	79.8	1.7%	1.1	16,420	3.2	4,465	17.9	3.5	23.6%	20.8%
BID	Ngân hàng	35.3	0.9%	1.3	7,764	1.8	1,947	18.1	2.2	16.7%	12.2%
CTG	Ngân hàng	33.4	1.5%	1.3	6,979	11.7	3,449	9.7	1.7	25.5%	18.6%
VPB	Ngân hàng	34.4	0.3%	1.2	6,639	10.7	2,781	12.4	2.5	15.2%	21.9%
MBB	Ngân hàng	28.2	0.0%	1.2	4,624	4.7	2,940	9.6	1.9	23.2%	21.7%
ACB	Ngân hàng	33.2	0.5%	1.0	3,894	3.5	3,599	9.2	2.1	30.0%	25.8%
BMP	Nhựa	59.4	1.5%	0.7	211	0.1	2,574	23.1	2.1	84.6%	9.1%
NTP	Nhựa	57.7	-1.9%	0.5	296	0.3	3,574	16.1	2.4	18.5%	15.4%
MSR	Tài nguyên	27.6	0.7%	0.7	1,319	0.4	39	707.7	2.2	10.1%	0.3%
HPG	Thép	45.9	-0.3%	1.1	8,926	21.3	7,087	6.5	2.4	23.8%	45.6%
HSG	Thép	35.3	-1.3%	1.4	756	4.2	8,806	4.0	1.6	7.9%	49.6%
VNM	Tiêu dùng	86.1	0.1%	0.6	7,824	4.3	4,511	19.1	5.8	54.6%	31.2%
SAB	Tiêu dùng	147.9	0.6%	0.8	4,124	0.5	5,883	25.1	4.5	62.5%	18.7%
MSN	Tiêu dùng	169.0	-1.2%	0.9	8,674	53.8	2,031	83.2	9.3	31.9%	11.4%
SBT	Tiêu dùng	24.9	0.8%	1.2	681	4.6	1,066	23.4	1.9	7.2%	8.3%
ACV	Vận tải	81.5	-0.2%	0.8	7,714	0.1	577	141.2	4.7	3.7%	3.4%
VJC	Vận tải	125.0	0.8%	1.1	2,944	3.9	2,271		4.0	16.4%	7.7%
HVN	Vận tải	23.4	0.2%	1.7	2,248	1.3	(6,523)		21.6	6.0%	-267.4%
GMD	Vận tải	45.8	0.1%	1.0	600	2.2	1,443	31.7	2.3	40.7%	7.4%
PVT	Vận tải	24.0	0.8%	1.3	338	3.2	2,443	9.8	1.6	13.0%	16.4%
VCS	Vật liệu xây dựng	115.4	0.3%	0.9	803	0.2	10,231	11.3	3.9	3.7%	42.0%
VGC	Vật liệu xây dựng	53.3	-0.4%	0.4	1,039	2.5	2,122	25.1	3.6	3.5%	14.7%
HT1	Vật liệu xây dựng	22.1	-1.6%	0.9	367	1.4	1,212	18.2	1.5	2.6%	8.2%
CTD	Xây dựng	99.8	3.2%	1.0	320	4.3	727	137.2	0.9	46.4%	0.7%
CII	Xây dựng	41.7	6.9%	0.6	433	12.0	12	3521.5	2.1	16.2%	0.1%
REE	Điện	71.9	0.1%	-1.4	966	1.9	5,541	13.0	1.8	49.0%	14.7%
PC1	Điện	39.7	2.1%	-0.4	406	2.1	2,804	14.2	2.0	6.2%	16.5%
POW	Điện	18.5	7.0%	0.6	1,879	25.1	1,240	14.9	1.4	2.8%	10.0%
NT2	Điện	26.3	0.8%	0.5	329	1.8	2,063	12.7	1.8	13.8%	14.5%
KBC	Khu công nghiệp	61.0	1.7%	1.1	1,511	18.1	1,706	35.8	2.2	15.5%	7.2%
BCM	Khu công nghiệp	65.0	-1%	1.1	2,925	1.6			4.4	2.0%	

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VIC	99.00	2.59	2.52	1.91MLN
VCB	79.80	1.66	1.28	934100
SSB	44.00	6.67	0.98	3.68MLN
DIG	96.30	7.00	0.83	4.18MLN
POW	18.45	6.96	0.74	32.86MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
MSN	0.00	-0.63	7.12MLN	1.11MLN
GVR	0.00	-0.48	2.79MLN	607060
DPM	0.00	-0.23	6.83MLN	373600
VIB	0.00	-0.19	994900	192700
HPG	0.00	-0.18	10.68MLN	611640

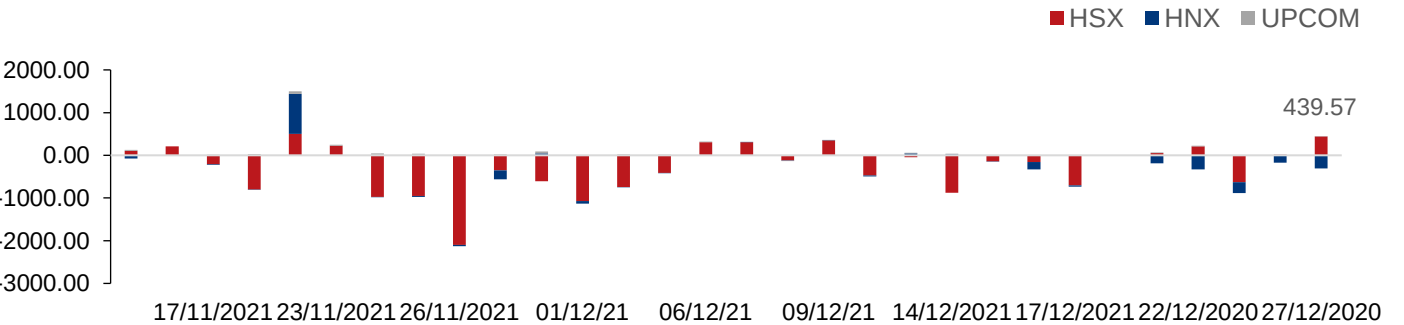
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DIG	96.30	7.00	0.83	4.18MLN
YEG	23.70	7.00	0.01	971400
LCM	9.20	6.98	0.00	419000
POW	18.45	6.96	0.74	32.86MLN
CII	41.70	6.92	0.20	6.92MLN

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
CLW	33.90	-7.00	-0.01	16100
TGG	19.00	-6.86	-0.01	1.30MLN
EMC	17.95	-6.75	-0.01	3000.00
TCR	7.50	-6.25	0.00	95900
FDC	15.00	-5.96	-0.01	200

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tài báo cáo
1	AGG	Bất động sản	Mua	19/05/21	62.1	N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	Click
2	ANV	Thủy sản	Mua	27/06/21	32.4	38.7	34.4	1,267	27.2	1.8	Click
3	BSR	Dầu khí	Mua	4/11/21	24.5	28.4	23.3	-909	#N/A N/A	2.3	Click
4	CEO	Bất động sản	Theo dõi	7/6/21	10.8	N/A	63.8	-511	#N/A N/A	5.9	Click
5	CSV	Hóa chất	Theo dõi	22/3/21	32.8	40.0	41.5	3,855	10.8	1.7	Click
6	DBC	Tiêu dùng bán lẻ	Theo dõi	16/9/21	62.9	69.6	70.7	8,518	8.3	1.7	Click
7	DCM	Bán lẻ	Mua	1/4/21	17.5	21.1	36.9	1,701	21.7	2.9	Click
8	DGC	Hóa chất	Mua	27/7/21	96.5	115.0	161.8	7,258	22.3	5.6	Click
9	DGW	Bán lẻ	Mua	24/2/21	92.1	110.3	129.8	4,942	26.3	7.9	Click
10	DPG	Bất động sản	KQ	10/6/21	39.3	N/A	73.7	5,988	12.3	3.7	Click
11	DPM	Bán lẻ	Mua	11/3/21	19.1	23.0	52.6	4,018	13.1	2.3	Click
12	DRC	Săm lốp	Mua	18/5/21	26.2	32.8	32.3	2,633	12.3	2.2	Click
13	DXG	Bất động sản	Mua	10/5/21	23.4	30.2	35.2	1,299	27.1	2.5	Click
14	ELC	CNTT	Mua	2/11/21	28.5	33.1	27.2	839	32.4	1.6	Click
15	FPT	CNTT	KQ	18/8/21	93.8	107.0	94.5	4,443	21.3	5.0	Click
16	GAS	Dầu khí	Mua	6/9/21	90.4	109.4	95.9	4,283	22.4	3.7	Click
17	HPG	VLXD	Mua	25/5/21	65.4	76.5	45.9	7,087	6.5	2.4	Click
18	HSG	VLXD	Theo dõi	14/5/21	37.4	47.8	35.3	8,806	4.0	1.6	Click
19	HUT	XD-BDS	Theo dõi	20/5/21	6.5	7.6	19.6	-1,113	#N/A N/A	1.9	Click
20	ITC	Bất động sản	Mua	29/11/21	22.4	27.4	26.8	1,655	16.2	1.3	Click
21	ITD	CNTT	Mua	17/9/21	20.8	28.1	17.8	1,251	14.2	1.2	Click
22	KDH	Bất động sản	Theo dõi	31/8/21	39.8	N/A	53.0	1,856	28.6	3.5	Click
23	LHG	BDS khu CN	Theo dõi	22/7/21	49.2	55.7	48.9	6,706	7.3	1.7	Click
24	LTG	Nông nghiệp	Mua	23/3/21	35.8	41.8	35.4	3,858	9.2	1.0	Click
25	MSH	Dệt may	Mua	13/5/21	50.6	66.4	79.2	8,024	9.9	2.6	Click
26	MWG	Bán lẻ	Mua	23/11/21	138.6	154.4	134.9	6,130	22.0	5.1	Click
27	NKG	Thép	Nắm giữ	1/9/21	39.5	46.5	36.8	9,467	3.9	1.5	Click
28	NLG	Bất động sản	KQ	11/11/21	61.2	66.5	62.3	4,331	14.4	2.7	Click
29	NT2	Điện	Theo dõi	9/9/21	21.7	24.7	26.3	2,063	12.7	1.8	Click
30	PC1	Điện	Mua	7/6/21	26.8	32.8	39.7	2,804	14.2	2.0	Click
31	PET	Bán lẻ	Mua	2/3/21	17.7	21.2	37.0	2,201	16.8	1.9	Click
32	PNJ	Bán lẻ	Mua	25/11/21	105.7	126.1	96.0	4,214	22.8	3.9	Click
33	PNJ	Bán lẻ	Mua	25/11/21	105.7	126.1	96.0	4,214	22.8	3.9	Click
34	POW	Điện	Theo dõi	18/5/21	12.0	13.8	18.5	1,240	14.9	1.4	Click
35	REE	Điện	Mua	19/3/21	56.2	68.5	71.9	5,541	13.0	1.8	Click
36	SBT	Đường	Mua	26/3/21	22.7	27.6	24.9	1066.2	23.4	1.9	Click
37	SGP	Cảng biển	Mua	13/7/21	21.1	25.0	33.6	1,064	31.6	3.4	Click
38	SMC	Bán lẻ	Mua	13/5/21	39.6	48.6	41.0	16,115	2.5	1.1	Click
39	SZC	BDS khu CN	Mua	23/11/21	50.0	62.7	64.8	2,570	25.2	4.6	Click
40	TCD	Xây dựng	Mua	29/11/21	32.3	40.0	24.0	3,114	7.7	2.8	Click
41	VGT	Dệt may	Theo dõi	21/5/21	16.8	19.0	27.7	570	48.6	2.2	Click
42	VHC	Thủy sản	Mua	29/10/21	62.5	80.1	63.2	4,475	14.1	2.0	Click
43	VNM	Tiêu dùng bán lẻ	Mua	19/8/21	90.0	105.6	86.1	4,511	19.1	5.8	Click
44	VRE	Bất động sản	Theo dõi	16/8/21	28.1	34.1	31.3	954	32.8	2.3	Click
45	VSC	Cảng biển	Mua	10/9/21	63.8	77.0	44.4	3306.9	13.4	2.1	Click
46	VSH	Điện	Mua	30/9/21	27.7	35.0	28.7	1,559	18.4	1.8	Click
47	VTP	BCVT	Mua	28/4/21	80.5	87.1	71.3	3,256	21.9	6.1	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô Thị trường Tháng 11.2021	x		Click
2	Chuyển dịch hàng hóa CN nặng & Cơ hội TTCK	x		Click
3	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2021		x	Click
4	Vĩ Mô Thị trường Tháng 10.2021	x		Click
5	Cơ hội sau giãn cách xã hội	x		Click
6	Vĩ mô Thị trường Quý III 2021	x		Click
7	Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2021	x		Click
8	Quan hệ thương mại và đầu tư của Hoa Kỳ và Việt Nam	x		Click
9	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2021		x	Click
10	Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2021	x		Click
11	Covid làn sóng thứ 4	x		Click
12	Vĩ mô & Thị trường Quý 2.2021	x		Click
13	Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
14	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI	x		Click
15	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
16	Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2021	x		Click
17	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click
18	Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
19	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
20	Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
21	Banking Sector Outlook		x	Click
22	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
23	Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
24	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
25	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click
26	Triển vọng ngành tiêu dùng bán lẻ 2021		x	Click
27	Cơ hội từ đẩy mạnh giải ngân đầu tư công	x		Click
28	Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2020	x		Click
29	Triển vọng ngành khu công nghiệp 2021		x	Click
30	Vietnam Sector Outlook 4Q2020		x	Click
31	Triển vọng ngành Bất động sản 2021		x	Click
32	Luật VAT Sửa đổi cho ngành phân bón		x	Click
33	Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2020	x		Click
34	Bầu cử Hoa Kỳ 2020	x		Click
35	Fishery Outlook 2021		x	Click
36	Cơ hội thu hút dòng tiền của Việt Nam sau MSCI Review	x		Click
37	Báo cáo Triển vọng ngành thép 2020		x	Click
38	Vĩ mô Thị trường quý 3.2020	x		Click
39	Vĩ Mô Thị trường tháng 8.2020	x		Click
40	Chemical sector Outlook 2H.2020		x	Click
41	Banking sector Outlook 2H.2020		x	Click
42	BSC_Covid làn sóng thứ 2 (Cập nhật lần 4)	x		Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu
Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân
Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639